BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 105/2008/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28 tháng 09 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này áp dụng cho các Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2008 và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 2710

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105 /2008/QĐ-BTC ngày 14 /11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
27.10				**Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có chứa từ 70% khối lượng trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.**	
				- Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% khối lượng trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ dầu thải:	
2710	11			- - Dầu nhẹ và các chế phẩm:	
				- - - Xăng động cơ:	
2710	*11*	*11*	*00*	*- - - - Có pha chì, loại cao cấp*	*25*
2710	*11*	*12*	*00*	*- - - - Không pha chì, loại cao cấp*	*25*
2710	*11*	*13*	*00*	*- - - - Có pha chì, loại thông dụng*	*25*
2710	*11*	*14*	*00*	*- - - - Không pha chì, loại thông dụng*	*25*
2710	*11*	*15*	*00*	*- - - - Loại khác, có pha chì*	*25*
2710	*11*	*16*	*00*	*- - - - Loại khác, không pha chì*	*25*
2710	*11*	*20*	*00*	*- - - Xăng máy bay*	*25*
2710	*11*	*30*	*00*	*- - - Tetrapropylene*	*25*
2710	*11*	*40*	*00*	*- - - Dung môi trắng (white spirit)*	*25*
2710	*11*	*50*	*00*	*- - - Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1%*	*25*
2710	*11*	*60*	*00*	*- - - Dung môi khác*	*25*
2710	*11*	*70*	*00*	*- - - Naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng*	*25*
2710	*11*	*90*	*00*	*- - - Loại khác*	*25*
2710	19			- - Loại khác:	
				- - - Dầu trung (có khoảng sôi trung bình) và các chế phẩm:	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
2710	*19*	*13*	*00*	*- - - - Nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên*	*25*
2710	*19*	*14*	*00*	*- - - - Nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23°C*	*25*
2710	*19*	*16*	*00*	*- - - - Kerosene*	*25*
2710	19	19	00	- - - - Loại khác	15
2710	19	20	00	- - - - Dầu thô đã tách phần nhẹ	5
2710	19	30	00	- - - - Nguyên liệu để sản xuất than đen	5
				- - - Dầu và mỡ bôi trơn:	
2710	19	41	00	- - - - Dầu khoáng sản xuất dầu bôi trơn	5
2710	19	42	00	- - - - Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay	5
2710	19	43	00	- - - - Dầu bôi trơn khác	10
2710	19	44	00	- - - - Mỡ bôi trơn	5
2710	19	50	00	- - - Dầu dùng trong bộ hãm thuỷ lực (dầu phanh)	3
2710	19	60	00	- - - Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch	5
				- - - Dầu nhiên liệu:	
2710	*19*	*71*	*00*	*- - - - Nhiên liệu diesel dùng cho động cơ tốc độ cao*	*20*
2710	*19*	*72*	*00*	*- - - - Nhiên liệu diesel khác*	*20*
2710	*19*	*79*	*00*	*- - - - Nhiên liệu đốt khác*	*25*
2710	*19*	*90*	*00*	*- - - Loại khác*	*20*
				- Dầu thải:	
2710	91	00	00	- - Chứa biphenyl đã polyclo hóa (PCBs), terphenyl đã polyclo hóa (PCTs) hoặc biphenyl đã polybrom hóa (PBBs)	20
2710	99	00	00	- - Loại khác	20